

## HÀNH VI NGÔN NGỮ TRÁCH TRONG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thu Hạnh

*Phòng Công tác chính trị - Học sinh sinh viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt.** Mỗi hành vi ngôn ngữ đều có thể sử dụng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào mục đích của người nói. Các hành vi ngôn ngữ gián tiếp có thể được sử dụng linh hoạt theo ý định, mục đích của người sử dụng và một số hành vi gián tiếp khi được sử dụng thì lịch sự hơn so với hành vi đó ở dạng trực tiếp. Đây là những lợi thế của các hành vi ngôn ngữ gián tiếp. Việc thực hiện gián tiếp mỗi hành vi ngôn ngữ đều có những cách thức riêng, biểu đạt những ý nghĩa và giá trị riêng, không giống nhau nên cần được nghiên cứu đầy đủ để có thể có đánh giá đúng về hành vi. Dựa trên kết quả khảo sát 647 hành vi ngôn ngữ *trách*, trong đó có 448 hành vi *trách* gián tiếp trong tiếng Việt trên ba khối ngữ liệu: tác phẩm văn học, hội thoại ghi chép hằng ngày, hội thoại ghi âm trong trường học, chúng tôi phân loại, chỉ ra các dạng gián tiếp của hành vi ngôn ngữ *trách* (gọi tắt là hành vi *trách*), cũng như tác dụng, ý nghĩa của chúng trong việc biểu thị nội dung *trách* và thái độ của người sử dụng. Nghiên cứu này hy vọng sẽ đóng góp thiết thực cho việc nghiên cứu các hành vi ngôn ngữ tiếng Việt, là một nguồn dữ liệu phục vụ nghiên cứu và học tập và là những gợi ý hữu ích có thể ứng dụng trong hoạt động giao tiếp của cộng đồng.

**Từ khóa:** hành vi ngôn ngữ, hành vi *trách*, hành vi *trách* gián tiếp.

### 1. Mở đầu

Lí thuyết hành vi ngôn ngữ được khởi xướng từ Austin và tiếp tục được phát triển bởi các nhà nghiên cứu khác. Austin đã chỉ ra ba kiểu hành vi ngôn ngữ: hành vi tạo lời, hành vi ở lời và hành vi mượn lời, và tiến hành phân loại các hành vi ngôn ngữ [1]. Searle phát triển cách phân loại hành vi ngôn ngữ [2] và đề cập sâu hơn tới hành vi ngôn ngữ gián tiếp [3], Bach và Harnish có những kết quả phân loại hành vi ngôn ngữ theo các tiêu chí riêng [4], Wierzbicka nghiên cứu các động từ ngôn hành trong tiếng Anh [5].

Các hành vi ngôn ngữ (speech acts) được quan tâm nghiên cứu ở nhiều ngôn ngữ trên thế giới, Một số ngôn ngữ được chú ý nghiên cứu nhiều hơn như: tiếng Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan, Anh, Mĩ, Ý, Úc, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Niu-di-lân, Áp-ga-ni-tan, Ả-rập, Iran, Mê-hi-cô,... Các hành vi ngôn ngữ riêng lẻ được quan tâm nghiên cứu trong các ngôn ngữ kể trên có thể tìm thấy như: Hành vi yêu cầu/thỉnh cầu (request), từ chối (refusal), khen (compliment/praise), không đồng ý/không tán thành (disagreeing), phê bình/phê phán (criticism), trách (reproach), xin lỗi (apologizing), phàn nàn (complaint), mời (invitation), cảm ơn (thanking), đề nghị (suggestion),...

Ở Việt Nam, các hành vi ngôn ngữ tiếng Việt đã được nghiên cứu khá đa dạng: Khen - tiếp nhận khen, câu khiến - từ chối, điều khiển, đề nghị, yêu cầu, thỉnh cầu, từ chối, bác bỏ, đe dọa, phản bác, cho, tặng, rào đón, hỏi, nhờ, chê, giễu nhại, trách, khuyên, chửi, phê bình, nịnh, thề,

cam kết, cảm thán, ra lệnh, giới thiệu, xin phép - hỏi đáp, cảm ơn - tiếp nhận, xin lỗi - tiếp nhận,...

So với các hành vi ngôn ngữ khác đã được nghiên cứu thì hành vi *trách* (reproach) chưa được chú ý nghiên cứu nhiều. Cho tới thời điểm hiện tại, nghiên cứu về hành vi *trách* có trong một số nghiên cứu như: Đặng Thị Mai Hồng đã khảo sát và chỉ ra các kiểu hành vi *trách* có trong ca dao Quảng Bình [6]; Hành vi *trách* (reproach) được N. A. Karazia nghiên cứu trong các tác phẩm văn học Mỹ hiện đại, đã chỉ ra các đặc điểm ngữ dụng của hành vi *trách* trong tiếng Anh, bàn về các biểu hiện trực tiếp và gián tiếp của hành vi *trách* trong các tình huống của tác phẩm văn học và xem xét hành vi *trách* gắn với các nguyên tắc cộng tác hội thoại và phép lịch sự [7]; Phan Thị Việt Anh vận dụng lí thuyết dụng học vào nghiên cứu hành vi *trách* trong cao dao, dân ca. Nghiên cứu đã chỉ ra các kiểu *trách* trực tiếp và gián tiếp, vấn đề lịch sự và vấn đề giới trong lời *trách* trực tiếp và gián tiếp trong cao dao trữ tình của người Việt [8]. Trong một nghiên cứu khác chúng tôi cũng đã bàn về một số nội dung của hành vi *trách*, trong đó có vấn đề nhận diện hành vi *trách* gián tiếp (xem Nguyễn Thu Hạnh, 2004) [9]. Trở lên, có thể thấy hành vi *trách* trong tiếng Việt dù đã xuất hiện trong một số nghiên cứu, song chưa được khảo sát và nghiên cứu trên khối ngữ liệu rộng. Nghiên cứu này xem xét hành vi *trách* toàn diện hơn trên ba khối ngữ liệu khảo sát: tác phẩm văn học, hội thoại ghi chép hằng ngày, hội thoại ghi âm trong trường học.

Hành vi *trách* thuộc nhóm biểu cảm (expressives) trong bảng phân loại hành vi ngôn ngữ của Searle [2] và là một hành vi ngôn ngữ có bản chất đe dọa thể diện (xem P. Brown and S. C. Levinson, 1978, G. N. Leech, 2014 về khái niệm thể diện và hành vi đe dọa thể diện, thể diện âm tính, thể diện dương tính) [10], [11] của các bên tham gia giao tiếp. Do đó, việc tìm ra những cách thức để giảm thiểu mức độ đe dọa thể diện của hành vi này hay tránh những cách dùng đe dọa thể diện của người nói (S) và người nghe (H) là cần thiết.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để có khối ngữ liệu về hành vi *trách*, nghiên cứu đã sử dụng thủ pháp thu thập thông tin. Ngữ liệu về hành vi được thu thập từ ba nguồn chính: trong các tác phẩm văn học, ghi chép từ hội thoại hằng ngày, và bản ghi âm hơn 50 tiết học ở trường phổ thông (THCS và THPT) với sự cho phép của các giáo viên. Khối ngữ liệu thu thập từ tác phẩm văn học chủ yếu lấy trong sáng tác của văn học hiện đại, thế kỉ XX và XXI. Khối ngữ liệu giao tiếp hằng ngày được thu thập từ những đối tượng S, chủ đề giao tiếp và hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Khối ngữ liệu từ các tiết học ở trường phổ thông sau khi thu thập được gỡ băng và lọc lấy các tình huống giao tiếp có chứa hành vi *trách*.

Sau khi đã có khối ngữ liệu, thì thủ pháp thống kê được sử dụng để phân loại các kiểu dạng của hành vi *trách*. Theo đó, nghiên cứu đã thống kê được tổng cộng 647 hành vi *trách*. Ngữ liệu tiếp tục được phân tích và phân loại được 199 hành vi *trách* trực tiếp và 448 hành vi *trách* gián tiếp. Các hành vi *trách* gián tiếp lại được phân tách thành: hành vi *trách* gián tiếp thực hiện hiệu lực ở lời của các hành vi ngôn ngữ khác, và các hành vi ngôn ngữ khác gián tiếp thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách*.

### 2.2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.2.1. Quan niệm về hành vi ngôn ngữ gián tiếp

Các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng hiện tượng hành vi ngôn ngữ gián tiếp là phổ biến, đó là hiện tượng người nói dùng một hành vi ngôn ngữ này nhưng lại nhắm hướng tới thực hiện một hiệu lực ở lời của một hành vi khác. Ví dụ: mẹ hỏi con “Con ơi con tắm chưa?” thì không có nghĩa là mẹ cần con đưa ra thông tin tắm hay chưa tắm, mà nhằm tới nhắc nhở “con đi tắm đi”. Do đó, hành vi hỏi “con tắm chưa” thực chất nhằm tới hiệu lực ở lời của hành vi nhắc nhở

“con đi tắm đi”. Searle phát biểu: một hành vi ở lời được thực hiện gián tiếp thông qua một hành vi ở lời khác được gọi là hành vi gián tiếp [3]. Đỗ Hữu Châu cho rằng “hiện tượng người giao tiếp sử dụng trên bề mặt hành vi ở lời này nhưng lại nhằm hiệu quả của một hành vi ở lời khác được gọi là hiện tượng sử dụng hành vi ngôn ngữ theo lối gián tiếp. Một hành vi được sử dụng gián tiếp là một hành vi trong đó người nói thực hiện một hành vi ở lời này nhưng lại nhằm làm cho người nghe dựa vào những hiểu biết ngôn ngữ và ngoài ngôn ngữ chung cho cả hai người, suy ra hiệu lực ở lời của một hành vi khác.” [12,146]. Từ cách hiểu về hành vi ngôn ngữ gián tiếp và đối chiếu với kết quả khảo sát của hành vi *trách* chúng nhận thấy có một số hành vi ngôn ngữ khác có thể thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách* (còn gọi hành vi *trách* gián tiếp), số này chiếm đa số trong số lượng hành vi *trách* được khảo sát. Cụ thể có tất cả 647 hành vi *trách* được khảo sát thì có 448 hành vi *trách* gián tiếp, chiếm 69.24% trong khi chỉ có 199 hành vi *trách* trực tiếp, chiếm 30.76%. Điều đó cũng có nghĩa rằng các hành vi *trách* trực tiếp ít được ưa dùng, mà thay vào đó là các hành vi *trách* gián tiếp. Nghiên cứu đã tiến hành phân loại các hành vi và nhóm hành vi ngôn ngữ có thể thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách* và thu được một số kết quả như sau:

### **2.2.2. Một số hành vi ngôn ngữ và một số cách nói, cách sử dụng ngôn ngữ có thể thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách***

Dưới đây là các hành vi/nhóm hành vi và một số cách nói, cách sử dụng ngôn ngữ có thể sử dụng để thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách*. Kết quả khảo sát được sắp xếp theo các hành vi/nhóm hành vi có số lượng từ cao tới thấp, sau đó mới tới các cách nói và cách sử dụng ngôn ngữ khác.

#### **2.2.2.1. Hiệu lực *trách* được thực hiện bằng hành vi hỏi**

Theo số liệu khảo sát, hành vi hỏi dùng để thực hiện hiệu lực *trách* có số lượng nhiều nhất trong các tiêu loại *trách* gián tiếp: 162/448 hành vi, chiếm tỉ lệ 36,16%. Ví dụ, mẹ chồng nói với nàng dâu:

(1) Tròi ạ, có máy con gà đẻ cho các anh chị mang đi lại thả là sao? (Đình Thuyền Hương, *Dâu út*) => Ý trách: Cô thật quá đáng khi cố tình thả gà ra.

(2) Cậu viết vào trong vở, trong giấy kiểm tra như thế liệu rằng có ai hiểu không? (*Hội thoại ghi âm*) => Ý trách: Em viết và trình bày câu thả quá.

Có thể thấy câu hỏi được sử dụng trong những phát ngôn ngữ vi hỏi nhưng lại không nhằm mục đích yêu cầu người nghe hỏi đáp vào nội dung tường minh của biểu thức ngữ vi (BTNV) hỏi. Mục đích thực sự mà S muốn nhằm tới là bày tỏ thái độ không đồng tình của mình về việc làm/hành động/thái độ của H được nêu trong phần nội dung mệnh đề (NDMĐ) của phát ngôn hỏi. Để hiểu được hiệu lực *trách* gián tiếp cần căn cứ vào ngữ cảnh giao tiếp cụ thể, căn cứ vào NDMĐ của hành vi hỏi và các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khác thuộc ngữ cảnh. Khi áp dụng vào thực tế cần chú ý: Nếu S có các đặc điểm như cao tuổi hơn H, có vị thế cao hơn hoặc ngang bằng với H thì hành vi chấp nhận được. Ngược lại, nếu S ở vị thế thấp hơn H về tuổi tác và địa vị xã hội thì việc thực hiện hành vi theo cách này sẽ bị coi là bất lịch sự, điều này cũng có nghĩa là mức độ đe dọa thể diện của hành vi ở mức cao hơn. Mức độ đe dọa thể diện của hành vi phụ thuộc vào: ngữ cảnh giao tiếp cụ thể, khoảng cách quyền uy và khoảng cách tuổi tác giữa S và H (khoảng cách càng xa, mức độ đe dọa thể diện càng lớn), đồng thời phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi được cho là “lỗi” trước đó của H.

#### **2.2.2.2. Hiệu lực *trách* được thực hiện bằng hành vi bày tỏ thái độ**

Các hành vi bày tỏ thái độ (không đồng ý/không thích/ không ngờ,...) đang nhắc đến thuộc nhóm biểu cảm (expressives) trong bảng phân loại hành vi ngôn ngữ của Searle [2]. Đây cũng là một kiểu hành vi được ưa dùng (đứng thứ hai sau hành vi hỏi) để thực hiện lời *trách* với 55/448 hành vi, chiếm 12,27%. Ví dụ:

(3) Thân ghê gớm quá! Tôi không ngờ Thân lại là người của kháng chiến. (Phạm Thắng, *Đội thiếu niên tình báo Bát Sắt*) => Ý trách: Thân đã giấu tôi chuyện Thân là người của Việt Minh và tham gia kháng chiến.

(4) Cái bà này rõ chán. Quân đội nó có kỉ luật của nó, bà xui nó đào ngũ để mà họ kỉ luật à. (Triệu Đăng Khoa, *Tôi và Nàng*, trong *Tuyên Quang văn*) => Ý trách: Bà đã không hiểu chuyện lại còn xui con làm điều vi phạm kỉ luật.

Việc bày tỏ thái độ một cách thẳng thắn của S bao giờ cũng tiềm ẩn nguy cơ đe dọa thể diện của H. Thế nên nếu thực hiện hiệu lực ở lời *trách* qua các hành vi bày tỏ thái độ kiểu này thường bị coi là bất lịch sự.

### 2.2.2.3. Hiệu lực trách được thực hiện bằng các hành vi tường thuật/trần thuật

Theo số liệu khảo sát, thì hành vi *trách* được thực hiện thông qua hành vi tường thuật/trần thuật là 32/448 hành vi, chiếm khoảng 7,14%.

Ví dụ: (5) Nó tính bắt chước Di-cô đó mà. Ở *Es-pa-nha*, Di-cô cũng sút một trái giống hệt như vậy, nhưng Di-cô sút vô khung thành còn thằng Dũng thì lại sút vô khung cửa. (Nguyễn Nhật Ánh, *Trước vòng chung kết*)

Trong tình huống ở ví dụ này, các thành viên của “đội bóng” dường phở đang nói về một pha bỏ lỡ cơ hội của “cầu thủ” tên Dũng. Trên đây là lượt lời của một thành viên trong đội tường thuật rõ hơn về pha bỏ lỡ cơ hội ghi bàn của Dũng. Lời tường thuật tỏ rõ ý trách Dũng đã bỏ lỡ cơ hội ghi bàn cho đội bởi Dũng muốn “thể hiện” một pha bóng giống cầu thủ Di-cô.

(6) Em thấy hơi thở của anh có mùi hồng xiêm chín đêm qua. (Nguyễn Thị Thu Huệ, *Tiệc trộm*).

Trong ví dụ (6) phát ngôn diễn ra trong bối cảnh nhân vật nữ là người ăn chay và muốn nhân vật nam cũng ăn chay theo mình. Họ đang trong một kì nghỉ, nhân vật nam đã cố ăn chay nhưng không chịu được nên đã trốn đi ăn thịt bò và uống rượu. Trong ngữ cảnh ấy, lời thuật lại của nhân vật nữ có ý trách: hôm qua anh đã giấu em đi uống rượu, anh đã không thực hiện ăn chay.

(7) Cái Thía phòng em sướng ghê anh ạ. Sinh nhật nó ông xã mua tặng hẳn bộ nữ trang đẹp lắm. (*Hội thoại ghi chép*) => Ý trách: Anh chẳng bao giờ quan tâm đến vợ như thế.

Đây là những hành vi có hình thức của BTNV tường thuật/trần thuật, trong đó nội dung tường thuật thường thông tin về một sự việc A nào đó đã xảy ra. Sự việc A có thể liên quan trực tiếp đến H như trong các ví dụ (5), (6) nhưng cũng có thể không liên quan đến H như trong (7). S thông qua việc tường thuật thông tin ở phần NDMĐ để ngầm bày tỏ thái độ không đồng tình của mình đối với việc liên quan hoặc không liên quan đến H.

Để nhận biết được hàm ý *trách* của S đối với H trong những kiểu dùng biểu thức tường thuật/trần thuật cần căn cứ vào NDMĐ trong phát ngôn qua đó quy chiếu vào hội thoại đang thực hiện để suy ra được ý đồ giao tiếp của S, bên cạnh đó thì ngữ cảnh giao tiếp, mối quan hệ giữa S và H cũng cần được chú ý. Về mặt hình thức thì BTNV tường thuật/trần thuật là lớp “vô bực” an toàn cho người sử dụng vì không thể hiện ý đồ trách một cách lộ liễu. Nếu nhìn từ khía cạnh lịch sự và giữ gìn thể diện thì việc thực hiện lời *trách* thông qua hành vi tường thuật/trần thuật có mức độ tế nhị hơn do không xúc phạm tới thể diện dương tính của H.

### 2.2.2.4. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi điều khiển

Theo khảo sát, có 26/448 hành vi *trách* gián tiếp được thực hiện thông qua hành vi điều khiển, chiếm tỉ lệ 5,8%.

Ví dụ: (8) Thôi, ông đừng giảng giải những điều ông không biết đi. (Nguyễn Trọng Hùng, *Đâu mùa nắm hương?*, trong *Tuyên Quang văn*) => Ý trách: Ông đã không biết gì rồi còn đi giảng giải cho người khác, khó nghe lắm.

(9) - Cô Vân ơi, cho tôi mượn cái kéo. A, chào ông. Ông đây là thế nào với cô Vân ạ? Cái Thủy đâu rồi cô? Bà nhìn bác trưởng phòng dò xét.

- Cô Vân nhăn mặt: *Lần sau bác nhớ gõ cửa kéo cháu nó giật mình.* (Phan Thị Thanh Nhàn, *Chuyện đàn bà*)

Trong tình huống ví dụ (9) S đang có khách, H sang nhà S mượn kéo nhưng lại tọc mạch hỏi về quan hệ giữa khách với chủ rất sỗ sàng và còn nhìn ông khách kiêu đồ xét. Lúc này S rất khó chịu với cách cư xử và cái nhìn của H nên dùng biểu thức điều khiển nhưng cũng đồng thời trách H đã quá vô ý vô tứ khi soi mói về ông khách.

Khi dùng hành vi điều khiển để thực hiện hành vi *trách*, nếu S là người vai dưới (ít tuổi, vị thế xã hội và quyền lực thấp hơn H) thì việc thực hiện hành vi theo cách này sẽ bị coi là khiếm nhã, bất lịch sự. Mức độ khiếm nhã, bất lịch sự như thế nào còn tùy thuộc vào tính chất nghiêm trọng trong hành vi đã có của H trước đó.

#### **2.2.2.5. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi khẳng định**

Hành vi khẳng định được thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách* theo khảo sát là 16/448 hành vi, chiếm tỉ lệ 3,57%.

Ví dụ trong tình huống dưới đây giáo viên đã giao học sinh về nhà đọc tác phẩm và soạn bài, tuy nhiên hầu hết cả lớp đều không thực hiện nhiệm vụ được giao. Do đó khi kiểm tra thấy tình trạng cả lớp không chuẩn bị bài, giáo viên nói:

(10) Cả lớp chỉ có duy nhất một bạn đọc tác phẩm. (*Hội thoại ghi âm*) => Ý trách: Học sinh không làm bài về nhà.

Ở ví dụ dưới đây thì học sinh lại yêu cầu giáo viên cho bài tập để làm thêm, tuy nhiên ngay trước đó giáo viên yêu cầu học sinh chữa bài nhưng đều sai hết cả.

(11) Chính cô thấy em gọi bạn là “chó”. (*Hội thoại ghi âm*) => Ý trách: Học sinh gọi bạn là “chó” là đáng lên án.

Thường thì khi dùng kiểu *trách* thông qua hành vi khẳng định thái độ biểu cảm của S khá lạnh lùng và dễ gây căng thẳng, ức chế cho H. Vì nội dung khẳng định chính là nhằm vào, chỉ ra nội dung hành vi được coi là “lỗi”, là điểm chưa đúng, chưa tốt của H trước đó. Do đó, thực hiện lời *trách* qua hành vi khẳng định cũng tiềm ẩn nguy cơ đe dọa thể diện dương tính của H.

#### **2.2.2.6. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi nhắc nhở**

Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi nhắc nhở có số lượng khá khiêm tốn theo khảo sát: 16/448 hành vi, chiếm 3,57%.

Ví dụ, trong giờ học, giáo viên nói với học sinh khi em này luôn phá vỡ các quy tắc lớp học.

(12) Được rồi Công, cô không yêu cầu em dịch sang tiếng Việt. Nếu em muốn thì em phải giơ tay phát biểu nhé. (*Hội thoại ghi âm*) => Ý trách: Cô đang hỏi bạn khác chứ không hỏi em vì thế em phải trật tự khi bạn trả lời.

(13) Cường, con cười và nói nhiều nhất trong lớp đấy. (*Hội thoại ghi âm*) => Ý trách: Con mất trật tự quá.

Khi dùng hành vi nhắc nhở để thực hiện hiệu lực ở lời *trách* thì thái độ của S nhẹ nhàng hơn, không gây áp lực cho H và giảm thiểu được mức độ ảnh hưởng tới thể diện dương tính của H. Tuy nhiên nếu nhìn vào số liệu khảo sát thì thấy trên thực tế hành vi này chưa được người dùng chú ý khai thác trong sử dụng.

#### **2.2.2.7. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi giễu cợt, mỉa mai**

Về hình thức những hành vi giễu cợt thực dùng để thực hiện hiệu lực *trách* có hai phần: một phần nội dung giống với BTNV của hành vi khen (có thể đứng trước hoặc sau) và phần nội dung nêu lí do khen. Quan hệ giữa hai phần nội dung trong biểu thức này có thể ở dạng thuận (túc bổ trợ cho nhau) hoặc dạng ngược (mâu thuẫn với nhau). Và kết hợp của hai phần nội dung này lại với nhau được hình thức của hành vi giễu cợt, mỉa mai, nhưng được dùng với hàm ý trách móc. Theo số liệu khảo sát có 15/448 hành vi kiểu này, chiếm 3,34%. Ví dụ:

(14) Mẹ nói với con trai: “Anh giỏi thật! Mấy tháng nay mắt mắt” (Nguyễn Thị Hải Yến, *Cửa xuân*). Phần nội dung khen là “Anh giỏi thật!”, phần nêu lí do khen “Mấy tháng nay mắt mắt”. Hai nội dung này mâu thuẫn nhau tạo ra một hành vi mỉa mai. Thông qua cách nói mỉa mai này S có ý trách H: con cái gì bao lâu nay rồi không liên lạc cũng không về thăm bố mẹ.

(15) Sút vậy mới tài chớ. Khung cửa nhỏ hơn khung thành nhiều mà! (Nguyễn Nhật Ánh, *Trước vòng chung kết*). Trong ví dụ này, phần đầu S đưa ra nội dung khen “sút vậy mới tài chớ”, phần sau nêu lí do “khung cửa nhỏ hơn khung thành nhiều” mà còn sút vào. Hai nội dung này về mặt hình thức câu chữ thì bổ sung ý nghĩa cho nhau nhưng ẩn sau đó lại là lời khen không nhằm mục đích khen, theo như Đặng Thị Hảo Tâm thì đó là lời “khen đều” [13], nhằm mục đích mỉa mai đối phương sút bóng quá dở vì khung thành rộng thế mà còn không sút vào. Đặt trong ngữ cảnh giao tiếp thì hành vi mỉa mai này hàm ý trách móc đồng đội đã bỏ lỡ cơ hội ghi bàn quá “ngon ăn”.

Qua các ví dụ trên có thể thấy rõ việc thực hiện hành vi *trách* bằng cách nói giễu cợt, mỉa mai là không lịch sự, đe dọa trực tiếp tới thể diện của H và tạo ra khoảng cách trong quan hệ của S và H. Hành vi này khi sử dụng sẽ là bất lịch sự theo quan điểm của Culpeper [14].

#### 2.2.2.8. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi than

Các hành vi than dùng để thực hiện hiệu lực *trách* có vẻ cũng không được ưa dùng. Theo thống kê có 15/448 hành vi, chiếm 3,34%. Ví dụ:

(16) *Thôi chết, biết ngay mà* - bà hoảng hốt la lên - hể vắng tôi y như bố con ông cháu nhà ông bệnh. (Bạch Lê Văn Nguyên, *Bố chồng*) => Ý trách: Bố con ông cháu nhà ông không biết cách tự chăm sóc bản thân gì cả, rồi tôi ra cái là ốm đau.

(17) *Chán quá rồi*, con trai ba mấy tuổi đầu rồi chứ ít gì đâu, như con người ta thì vợ con đẻ huê rồi, đằng này vẫn chỉ mãi chơi. (*Hội thoại ghi chép*) => Ý trách: Người con trai đã lớn rồi mà không chịu vợ con, làm ăn mà chỉ mãi chơi.

Cách thể hiện *trách* bằng hành vi than thường biểu thị thái độ tiêu cực của S một cách mạnh mẽ. Điều này được coi là bất lịch sự theo quan điểm của Culpeper [14]. Do đó, kiểu thực hiện *trách* bằng hành vi than phù hợp khi S là người lớn tuổi hơn, hoặc quan hệ giữa S và H là quan hệ thân thiết. Ngoài ra, nên tránh sử dụng cách nói này vì ảnh hưởng tới thể diện dương tính của H.

#### 2.2.2.9. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi miêu tả

Theo kết quả khảo sát thì việc thực hiện *trách* thông qua hành vi miêu tả là 12/448 hành vi, chiếm tỉ lệ 2,68%. Ví dụ:

(18) Hôm thứ tư thấy rất nhiều bạn mặc áo phông nhưng vẫn thấy có người không mặc đúng quy định. (*Hội thoại ghi âm*) => Ý trách: Một số học sinh không mặc đồng phục là chưa thực hiện đúng quy định của trường.

(19) Bạn M thì vẫn thế từ lớp 10 đến giờ ngồi trong lớp lúc nào cũng hí hoáy nghịch một mình. (*Hội thoại ghi âm*) => Ý trách: Em M không có ý thức thay đổi những thói quen xấu khi ngồi học.

Quan sát các ví dụ trên và căn cứ thực tế khảo sát tình huống, chúng tôi thấy rằng việc dùng hiệu lực lời *trách* thông qua BTNV của hành vi miêu tả được xem là kiểu *trách* đảm bảo được phép lịch sự, hạn chế gây tổn hại tới thể diện của cả S và H, duy trì được quan hệ tốt đẹp giữa S và H. Kiểu *trách* này phù hợp với S là mọi đối tượng ở các vị thế khác nhau và độ tuổi khác nhau. Kết quả khảo sát cho thấy một thực tế rằng, mặc dù có ưu điểm tích cực, song việc thực hiện lời *trách* bằng hành vi miêu tả lại chưa được người dùng quan tâm sử dụng.

#### 2.2.2.10. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi thông báo

Số liệu khảo sát cho thấy chỉ có 9/448 hành vi thông báo được dùng để thực hiện hiệu lực ở lời *trách*, chiếm tỉ lệ 2,01%. Ví dụ:

(20) Tùng ơi Tùng, chữ con cô không đọc được. (*Hội thoại ghi âm*)

(21) Ôi, còn tận 2, 4, 6, 7 bạn không làm, không chữa thiếu đề cương đây này. (*Hội thoại ghi âm*)

Thực hiện hành vi *trách* bằng hành vi thông báo có sắc thái khá ôn hòa. Vừa đảm bảo lịch sự, vừa thể hiện được thái độ tích cực của S đối với H. Tức S thực sự có mong muốn tốt là H có thể nhận ra lỗi của mình để sửa đổi, khắc phục, đồng thời không ảnh hưởng tới quan hệ của S và H. Hành vi này phù hợp với S ở nhiều vị thế khác nhau và mỗi quan hệ giữa S và H thân cận hay xa lạ đều có thể sử dụng. Tuy nhiên, trên thực tế hành vi này cũng không được chú ý khai thác trong sử dụng bởi số liệu khảo sát chiếm tỉ lệ rất nhỏ 2,01%.

#### **2.2.2.11. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi khuyên**

Dùng hành vi khuyên để thực hiện hiệu lực *trách* có số liệu khảo sát giống với hành vi thông báo, chỉ có 9/448 trường hợp, chiếm 2,01%. Ví dụ:

(22) Thừa thiếu tá, chúng ta nên tập trung xem xét vấn đề hệ trọng này hơn là nói về sự đổ kị thiếu căn cứ. (Phạm Thắng, *Đội thiếu niên tình báo Bát Sắt*)

Ví dụ (22) là lời thoại giữa Mi-sen Dàn với thiếu tá Giác. Giác đang hỏi Dàn về việc liên quan đến Ba Kế và đưa ra giả thuyết nghi ngờ Dàn là gián điệp vừa để “dẫn mặt” vừa để thăm dò phản ứng của Dàn. Dàn hồi đáp bằng một hành vi khuyên nhưng kì thực có ý ngầm trách Giác đã nghi ngờ sai về mình.

(23) Hậu à - ông Hai nói - ông uống mà không ăn kiêu đó thì chết nay mai chó không lâu đâu. Ông cứ vậy rồi hai đứa con ông làm sao nên người há ông. (Nguyễn Trí, *Má ơi*)

Nhân vật ông Hai trong ví dụ (23) đưa ra lời khuyên nhưng thực ra có ý ngầm trách Hậu không biết giữ gìn sức khỏe của bản thân và cách hành xử này của anh ta là vô trách nhiệm với các con ông ta.

Dùng hành vi khuyên để thực hiện hiệu lực ở lời *trách* có những lợi thế nhất định. So với việc dùng hành vi hỏi, hành vi điều khiển hay hành vi bày tỏ thái độ thì cách thể hiện hiệu lực *trách* thông qua hành vi khuyên được xem nhẹ nhàng hơn, lịch sự hơn. Một mặt nó thể hiện được thiện ý của S đối với lỗi của H, mặt khác làm cho H không cảm thấy bị chỉ trích, tức bù đắp vào thể diện của H. Kiểu hành vi này phù hợp với mọi đối tượng sử dụng ở các độ tuổi, vị thế khác nhau. Tuy nhiên, vẫn cần căn cứ vào ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp cụ thể khi sử dụng hành vi này, vì nếu sử dụng không đúng người, đúng tình huống thì rất dễ bị cho là “đay đời/dạy khôn”, “xem lại mình đi đã”, “chắc gì anh/chị đã hơn tôi”,...

#### **2.2.2.12. Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi yêu cầu**

Hành vi yêu cầu thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách* theo khảo sát là 8/448 hành vi, chiếm tỉ lệ 1,78%. Ví dụ:

(24) Cô mời bạn con gái đang nói chuyện bàn thứ ba đứng dậy. (*Hội thoại ghi âm*)

(25) Cô yêu cầu các bạn trả lời bất kì câu gì cũng nhìn vào trong lược đồ, không được trả lời theo cảm tính và trả lời linh tinh. (*Hội thoại ghi âm*)

*Trách* thông qua hành vi yêu cầu có lợi thế là thể hiện được trực diện thái độ của S đối với lỗi của H, H dễ dàng nhận ra thái độ phản đối của S đối với việc làm/hành động/thái độ chưa phù hợp của mình, từ đó kịp thời điều chỉnh, sửa đổi. Tuy nhiên, nếu so sánh với các hành vi khác thực hiện lời *trách* như thông báo, miêu tả, tường thuật thì mức độ đe dọa thể diện của hành vi yêu cầu vẫn mạnh hơn.

Bên cạnh 12 hành vi/nhóm hành vi trên có thể thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách* thì khảo sát của chúng tôi còn thấy có một số cách nói, cách dùng ngôn ngữ khác cũng có thể thực hiện hiệu lực ở lời của hành vi *trách*. Đó là: Hiệu lực trách được thực hiện thông qua cách nói hờn, nói mát, nói quá và thông qua việc dùng thành ngữ, tục ngữ.

**2.2.2.13. Hiệu lực trách được thực hiện thông qua cách nói hờn, nói mát, nói quá**

Có 24/448 hành vi *trách* được thực hiện gián tiếp thông qua cách nói hờn, nói mát, nói quá, chiếm 5,35%. Ví dụ:

(26) Tôi già rồi không làm được việc gì nữa nên anh chị không muốn chứa tôi chứ gì. (*Hội thoại ghi chép*)

(27) Em thì có chịu thua ai bao giờ đâu. (*Hội thoại ghi chép*)

(28) Cái giẻ lau này bây giờ nó đang nặng phải 5 cân. (*Hội thoại ghi âm*)

Cách thực hiện lời *trách* thông qua nói hờn, nói mát sẽ không đáng quan ngại nếu giữa S và H là người thân trong gia đình hoặc quan hệ bạn bè gần gũi. Tuy nhiên, với những mối quan hệ không thân thiết thì đây cũng không phải là cách được ưa dùng bởi ý đồ tiêu cực của S không chỉ làm H mất mặt, ảnh hưởng tới thể diện dương tính của H và tiềm ẩn cách phản hồi bất lợi, đe dọa thể diện của S mà còn ảnh hưởng tới quan hệ giữa S và H.

**2.2.2.14. Hiệu lực trách được thực hiện thông qua việc dùng thành ngữ, tục ngữ**

Theo khảo sát, có 14/448 hành vi *trách* được thực hiện thông qua việc dùng các thành ngữ, tục ngữ, chiếm 3,12%. Ví dụ:

(29) Hay lăm đay mà còn “đổ thêm dầu vào lửa”. (*Hội thoại ghi chép*)

(30) Người đâu mà chỉ toàn “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng”. (*Hội thoại ghi chép*)

(31) Sao chị cứ phải “bớt lông tìm vết” thế nhỉ. (*Hội thoại ghi chép*)

Thường thì các thành ngữ, tục ngữ dùng để thực hiện hiệu lực *trách* có nghĩa tiêu cực, tức nhằm vào thói hư, tật xấu của đối phương. Thế nên, cách thức *trách* qua thành ngữ, tục ngữ được xem là bất lịch sự theo quan điểm của Culpeper [14] bởi nó hàm ý rất nặng nề, xúc phạm trực tiếp tới thể diện dương tính của H.

Ngoài 12 hành vi/nhóm hành vi và các cách nói, các dùng ngôn ngữ khác nêu trên được dùng để thực hiện hiệu lực của hành vi *trách*, kết quả khảo sát còn thấy xuất hiện nhiều hành vi ngôn ngữ khác cũng có thể dùng để *trách*. Đó là các hành vi: *nhận xét, cảm thán, bình luận, ước/giả định, đổ lỗi,...* Tuy nhiên số lượng các hành vi này không nhiều trong phạm vi khảo sát (dưới 5 hành vi/448 hành vi mỗi loại), chiếm tỉ lệ nhỏ hơn 1%, nên trong khuôn khổ bài báo chúng tôi chỉ ghi nhận và nêu tên hành vi chứ không đặt thành tiêu mục.

Có thể tóm lược kết quả khảo sát các hành vi ngôn ngữ, các cách nói, cách dùng ngôn ngữ mà người Việt sử dụng để thực hiện hành vi *trách* gián tiếp theo bảng dưới đây:

**Bảng 1. Kết quả khảo sát về hành vi trách gián tiếp**

Các hành vi ngôn ngữ và các cách nói, cách dùng ngôn ngữ được sử dụng để thực hiện hành vi trách gián tiếp <i>trách</i>	Số lượng	Tỉ lệ
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi hỏi	162	36,16%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi bày tỏ thái độ	55	12,27%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi tường thuật/trần thuật	32	7,14%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi điều khiển	26	5,8%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi khẳng định	16	3,75%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi nhắc nhở	16	3,75%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi giễu cợt, mỉa mai	15	3,34%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi than	15	3,34%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi miêu tả	12	2,67%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi thông báo	9	2,01%



Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi khuyên	9	2,01%
Hiệu lực trách được thực hiện bằng hành vi yêu cầu	8	1,78%
Hiệu lực trách được thực hiện thông qua cách nói hờn, nói mát, nói quá	24	5,35%
Hiệu lực trách được thực hiện thông qua việc dùng thành ngữ, tục ngữ:	14	3,12%
Một số hành vi khác: <i>nhận xét, cảm thán, bình luận, ước/ giả định, đổ lỗi,...</i>	35	7,81%
<b>Tổng</b>	<b>448</b>	<b>100%</b>

### 3. Kết luận

Như vậy, so với các hành vi *trách* trực tiếp thì hành vi *trách* gián tiếp có số lượng sử dụng nhiều gấp hơn 2 lần (199 hành vi *trách* trực tiếp và 448 hành vi *trách* gián tiếp). Kết quả này phản ánh một thực tế: hành vi ngôn ngữ có bản chất đe dọa thể diện của các bên tham gia giao tiếp (như *trách*, *phê bình*) thì dạng gián tiếp của hành vi thường được ưa dùng hơn là trực tiếp (xem Murad Al Kayed, Helen Al-Ghoweri, 2019 về hành vi *phê bình* [15]).

Trong giao tiếp, tùy vào mục đích giao tiếp mà S có thể dùng hành vi ngôn ngữ khác để thực hiện *trách*. Với 14 hành vi/nhóm hành vi ngôn ngữ và một số cách nói, cách dùng ngôn ngữ có thể thực hiện hiệu lực của hành vi *trách*, S có nhiều lựa chọn phương thức thực hiện lời *trách* theo mục đích giao tiếp, đối tượng giao tiếp, tình huống giao tiếp. Điều cần lưu ý là hành vi *trách* thực hiện theo cách gián tiếp giống như “con dao hai lưỡi”, có tốt, có xấu. Lưỡi tốt nếu được sử dụng hợp lí khi giao tiếp sẽ có tác dụng giảm thiểu hoặc chuyển hóa lực đe dọa thể diện của các bên tham gia, khi ấy *trách* gián tiếp được coi là lịch sự.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] J. L. Austin, 1962. *How to do things with words*. Oxford University Press, New York.
- [2] J. R. Searle, 1969. *Speech acts: An essay in the philosophy of language*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- [3] J. R. Searle, 1975. “Indirect speech acts”. In P. Cole and J. Morgan (Eds). *Syntax and Semantics*, Vol. 3, pp.59-82, New York: Academic Press.
- [4] K. Bach and R. M. Harnish, 1979. *Linguistic communication and speech acts*. Cambridge, MA: MIT Press.
- [5] A. Wierzbicka, 1987. *English speech act verbs*. Academic Press Australia, Sydney.
- [6] Đặng Thị Mai Hồng, 2001. *Hành vi trách móc trong ca dao Quảng Bình*. Ngữ học trẻ 2000, Diễn đàn học tập và nghiên cứu, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Hà Nội, tr.398-404.
- [7] N. A. Karazia, 2004. *Nghiên cứu ngôn ngữ học về hành vi trách trong bối cảnh văn hóa ngôn luận hiện đại của Mỹ*. Luận văn khoa học của ứng viên khoa học nhân văn, chuyên ngành ngôn ngữ Đức, Đại học Sư phạm bang Kamchatka. (bản tiếng Nga)
- [8] Phan Thị Việt Anh, 2009. *Hành vi trách của người Việt trong ca dao trữ tình*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Thu Hạnh, 2004. *Hành vi ngôn ngữ trách và sự kiện lời nói trách*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [10] P. Brown and S. C. Levinson, 1978. *Politeness - Some universals in language usage*. Cambridge University Press, Cambridge.
- [11] G. N. Leech, 2014. *The Pragmatics of Politeness*, New York: Oxford University Press.

- [12] Đỗ Hữu Châu, 2001. *Đại cương Ngôn ngữ học*, Tập 2, Ngữ dụng học Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [13] Đặng Thị Hảo Tâm, 2011. “Hành động giễu nhại trong thơ hậu hiện đại”. *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, số 5, tr.35-41.
- [14] J. Culpeper, 2011. *Impoliteness: Using Language to Cause Offence*, Cambridge: Cambridge University Press.
- [15] Murad Al Kayed, Helen Al-Ghoweri, 2019. “A socio-pragmatic study of speech act of criticism in Jordanian Arabic”. *European Journal of Scientific Research*, Vol. 153 No. 1 May, pp.105-117.

## ABSTRACT

### **Indirect speech act *trach* (*reproach*) in Vietnamese**

Nguyen Thu Hanh

*Office of Political – Student Affairs, Hanoi National University of Education*

A speech act may be used in the direct or indirect form depending on the speaker's goal and intention. Indirect speech acts can be flexibly used according to user's intentions. Some indirect speech acts are more polite than the direct ones. These are the advantages of indirect speech acts. Indirect implementation of each speech act has its own way, expressing its own meaning and values. It is also different from other speech acts, so it needs to be studied to be able to assess accurately. This study investigated 647 Vietnamese *trach* speech acts, including 448 indirect speech acts *trach*, which was found from three data sources: literary works, daily note-taking conversations, and school-lessons recording conversations. On that basis the indirect speech acts *trach* are classified, indicated indirect types, as well as their effects and meanings in expressing the content of *trach* and the attitude of user. The results of this study are expected to contribute practically to the study of Vietnamese speech acts. The data source for research and learning and are useful suggestions that can be applied in communication of the community.

**Key words:** speech act, speech act *trach* (*reproach*), indirect speech act *trach* (*reproach*).